

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 5 - 2026
V/v tranh chấp Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phong và bà Trịnh Thị Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Mạnh Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 13/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2026/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm H, xã V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị G trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái, nay là xã L, tỉnh Lào Cai ngày 30/01/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại nhà chồng ở xóm H, xã V, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Bùi Văn T không quan tâm, chăm lo cho vợ con, không đỡ đần chị về kinh tế để nuôi con. Tháng 02/2025, khi con chung được 05 tháng tuổi, chị xin phép bố mẹ chồng đưa con về thăm ngoại tại Lào Cai, sau đó mẹ con chị không quay lại nhà anh T nữa và vợ chồng chị ly thân từ đó cho đến nay. Trong khoảng thời gian này, anh T có lên thăm được một lần sau đó anh T không lên thăm, hỏi han và cũng không đỡ đần về kinh tế nuôi con.

Hiện nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

** Về con chung:* Vợ chồng chị có một con chung là Bùi Quốc K, sinh ngày 02/9/2024. Hiện nay con chung đang ở với chị trên xã L, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Hiện nay chị đang buôn bán ở chợ xã L, thu nhập bình quân từ 7 đến 8 triệu đồng/1 tháng, đảm bảo cuộc sống của hai mẹ con nên chị chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung.

** Về tài sản chung:* Vợ chồng chị không có tài sản chung.

** Về nợ chung:* Vợ chồng chị không có nợ chung.

Phân trình bày của bị đơn: Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn để bị đơn viết bản tự khai, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, không lấy được lời khai và việc tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn và không tiến hành phiên hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị G. Xử cho chị Hoàng Thị G ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Quốc K, sinh ngày 02/9/2024. Ghi nhận chị Hoàng Thị G chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Hoàng Thị G và anh Bùi Văn T kết hôn ngày 30/01/2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái, nay là xã L, tỉnh Lào Cai. Chị Hoàng Thị G và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Quốc K, sinh ngày 02/9/2024.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Các tình tiết các bên chưa thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị G đề nghị được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị Hoàng Thị G đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Bùi Quốc K, sinh ngày 02/9/2024. Chị Hoàng Thị G chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Hoàng Thị G có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm H, xã V, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập đương sự nhiều lần, đã thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nữa và đưa vụ án ra xét xử.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị G và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái, nay là xã L, tỉnh Lào Cai ngày 30/01/2023 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị G đối với anh Bùi Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị G và anh T cho thấy hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị G. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại nhà chồng ở xóm H, xã V, tỉnh Phú Thọ. Tháng 02/2025, khi con chung được 05 tháng tuổi thì mẹ con chị G về ngoại ở Lào Cai sống cho đến nay và không quay lại nhà anh T nữa. Trong khoảng thời gian này, anh T lên thăm vợ con được một lần. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn T không liên lạc, lên thăm hay hỏi thăm gì đối với vợ con. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Chị Hoàng Thị G và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Quốc K, sinh ngày 02/9/2024. Xét đề nghị được nuôi con của chị G, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của anh T. Con chung của chị G, anh T hiện còn nhỏ và đang sinh sống ổn định với chị G tại xã L, tỉnh Lào Cai. Từ ngày chị G sống trên nhà ngoại, anh T ít quan tâm đến con. Đặc biệt, kể từ ngày chị G làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh T không quan tâm và hỗ trợ kinh tế với chị G để nuôi con chung. Hiện nay, chị găm buôn bán ở chợ L, thu nhập bình quân từ 7 đến 8 triệu đồng/ tháng. Do vậy, đề nghị của chị G cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho chị G được nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận việc chị Hoàng Thị G chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Hoàng Thị G và anh Bùi Văn T không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Hoàng Thị G và anh Bùi Văn T không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị G. Xử cho chị Hoàng Thị G ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Quốc K, sinh ngày 02/9/2024. Ghi nhận chị Hoàng Thị G chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị G đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000838 ngày 28/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Lâm Thượng, tỉnh Lào Cai (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 30/01/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**Trần Hữu Doanh
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Phong – Trịnh Thị Thắng

Trần Hữu Doanh